

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển  
Đô thị Sài Đồng**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II năm 2017

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 42

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103040736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2009. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 1 tháng 4 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, cung cấp hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học, cung cấp hoạt động nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP là công ty mẹ của Công ty.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Thiếu Hoa	Chủ tịch
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Bà Trần Hoài An	Thành viên
Bà Ngô Mai Chi	Thành viên
Bà Võ Thị Phương Thảo	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thanh Mai	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Lân	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Hoài An	Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Kim Dung	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Thanh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2017

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Hoài An, Tổng Giám đốc.

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2017 của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ☛ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ☛ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ☛ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ☛ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý II năm 2017 và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý II năm 2017 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>11.701.285.836.424</b>	<b>8.372.662.437.719</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>190.822.518.575</b>	<b>170.396.873.128</b>
111	1. Tiền		173.522.518.575	153.096.873.128
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.300.000.000	17.300.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.669.008.650.613</b>	<b>2.973.939.032.554</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	353.250.241.616	172.733.874.117
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	756.408.358.582	282.383.769.037
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	28	2.360.000.000.000	2.390.045.124.005
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	211.223.731.039	139.794.893.052
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(11.873.680.624)	(11.018.627.657)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>5.943.060.616.938</b>	<b>4.818.134.195.352</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.954.792.265.206	4.818.134.195.352
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.731.648.268)	-
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.898.394.050.298</b>	<b>410.192.336.685</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	512.478.088.220	318.087.088.795
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.403.008.194	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		137.705.994	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	14	1.372.375.247.890	92.105.247.890
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>13.597.634.553.227</b>	<b>1.968.826.133.010</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>12.172.948.467</b>	<b>-</b>
211	1. Phải thu dài hạn từ khách hàng		5.561.510	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		490.000.000	-
216	3. Phải thu dài hạn khác		11.677.386.957	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.266.074.218.401</b>	<b>930.550.425.371</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.264.146.718.288	928.690.653.804
222	Nguyên giá		1.499.961.850.034	1.078.629.188.436
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(235.815.131.746)	(149.938.534.632)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.927.500.113	1.859.771.567
228	Nguyên giá		3.672.642.267	3.066.522.500
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.745.142.154)	(1.206.750.933)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.182.902.349.836</b>	<b>373.063.990.238</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.182.902.349.836	373.063.990.238
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>9.319.784.448.518</b>	<b>144.891.093.397</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		9.123.774.184.321	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		196.010.264.197	144.891.093.397
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>816.700.588.005</b>	<b>520.320.624.004</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	751.785.527.909	495.858.153.624
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	6.520.781.331	4.462.470.380
268	3. Tài sản dài hạn khác	14	20.000.000.000	20.000.000.000
269	4. Lợi thế thương mại		38.394.278.765	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>25.298.920.389.651</b>	<b>10.341.488.570.729</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>18.284.863.149.810</b>	<b>7.256.411.698.762</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>18.223.562.030.486</b>	<b>7.201.030.430.767</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	615.800.980.675	355.795.734.215
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	8.351.880.744.883	4.660.564.894.561
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	170.119.961.540	112.895.024.717
314	4. Phải trả người lao động		185.877.140	3.820.524.980
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17.1	1.975.571.844.042	1.289.607.770.614
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.410.810.631.443	778.346.481.680
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	3.699.142.479.002	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		49.511.761	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>61.301.119.324</b>	<b>55.381.267.995</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17.2	21.498.347.978	21.491.447.978
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		156.223.456	-
337	3. Phải trả dài hạn khác	18	6.951.689.503	7.149.319.503
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	17.3	32.694.858.387	26.740.500.514
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>7.014.057.239.841</b>	<b>3.085.076.871.967</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>7.014.057.239.841</b>	<b>3.085.076.871.967</b>
411	1. Vốn cổ phần đã góp		1.199.958.000.000	1.199.958.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.199.958.000.000	1.199.958.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.843.750.000	1.843.750.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.658.934.334.627	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.532.907.840.804	1.883.275.121.967
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.883.275.121.967	1.079.773.462.578
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		649.632.718.837	803.501.659.389
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		620.413.314.410	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>25.298.920.389.651</b>	<b>10.341.488.570.729</b>

Đoàn Thị Hà  
Người lập

Nguyễn Hữu Thanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Lũy kế 6 tháng năm 2017	Lũy kế 6 tháng năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.132.428.114.682	78.487.965.579	2.253.068.218.533	143.432.305.783
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.132.428.114.682	78.487.965.579	2.253.068.218.533	143.432.305.783
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22	(682.773.824.771)	(40.180.192.731)	(1.263.440.888.606)	(96.719.544.619)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		449.654.289.911	38.307.772.848	989.627.329.927	46.712.761.164
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	28.265.215.379	29.994.815.293	79.594.887.010	412.619.627.430
22	7. Chi phí tài chính		(43.887.649.535)	(31.765.190.162)	(43.887.649.535)	(34.095.736.024)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(42.864.640.874)	(32.415.929.392)	(42.864.640.874)	(33.991.367.379)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		23.641.905.303	-	23.641.905.303	-
25	9. Chi phí bán hàng	23	(122.616.138.286)	(14.205.440.998)	(211.818.739.660)	(16.552.555.262)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(41.476.287.582)	(8.735.410.763)	(62.305.514.369)	(18.208.708.099)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		293.581.335.190	13.596.546.218	774.852.218.676	390.475.389.209
31	12. Thu nhập khác	24	39.372.131.487	3.322.011.917	44.243.850.590	4.320.821.465
32	13. Chi phí khác	24	(24.959.334.760)	(2.201.958.220)	(25.565.338.900)	(18.971.121.503)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác		14.412.796.727	1.120.053.697	18.678.511.690	(14.650.300.038)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		307.994.131.918	14.716.599.915	793.530.730.366	375.825.089.171

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Lũy kế 6 tháng năm 2017	Lũy kế 6 tháng năm 2016
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(81.652.185.748)	(5.836.662)	(173.533.995.323)	(3.867.278.722)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.3	3.055.200.610	2.025.141.996	2.058.310.951	2.025.141.996
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		229.397.146.779	16.735.905.249	622.055.045.994	373.982.952.445
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	256.974.819.622	16.729.494.642	649.632.718.837	373.816.346.945
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(27.577.672.843)	6.410.607	(27.577.672.843)	166.605.500
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.142	139	5.414	3.115
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	2.142	139	5.414	3.115

*Nguyễn Hữu Thanh*



Đoàn Thị Hà  
Người lập

Nguyễn Hữu Thanh  
Kế toán trưởng

Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>793.530.730.366</b>	<b>375.825.089.171</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		49.837.658.009	25.214.581.520
03	Các khoản dự phòng		(8.744.873.038)	-
05	Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư		58.795.041.217	(412.548.231.804)
06	Chi phí lãi vay		42.864.640.874	33.991.367.379
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>936.283.197.428</b>	<b>22.482.806.266</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(316.146.680.444)	(257.705.128.994)
10	Tăng hàng tồn kho		(928.846.231.165)	(2.957.333.965.881)
11	Tăng các khoản phải trả		4.621.134.399.676	3.135.127.806.524
12	Tăng chi phí trả trước		(159.151.540.140)	(124.143.739.259)
14	Tiền lãi vay đã trả		(350.000.000)	(53.365.015.301)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(128.165.546.823)	(12.561.677.124)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>4.024.757.598.532</b>	<b>(247.498.913.769)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(429.958.170.504)	(13.876.027.000)
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngắn hạn		(2.640.000.000.000)	(3.594.000.000.000)
24	Thu hồi tiền cho vay và tiền gửi		2.670.045.124.005	5.326.495.657.255
25	Tiền chi để đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/mua công ty con		(6.610.664.334.182)	(23.490.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/bán công ty con		3.408.829.200	500.247.400.000
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức		146.592.407.136	159.499.405.329
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(6.860.576.144.345)</b>	<b>2.354.876.435.584</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)


Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		3.029.000.000.000	369.518.038.507
34	Tiền trả nợ gốc vay		(172.755.808.740)	(1.514.156.105.150)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22.3	-	(939.964.899.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		2.856.244.191.260	(2.084.602.966.543)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		20.425.645.447	22.774.555.272
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		170.396.873.128	18.714.197.516
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	190.822.518.575	41.488.752.788

  
 Đoàn Thị Hà  
 Người lập

  
 Nguyễn Hữu Thanh  
 Kế toán trưởng

  
  
 Trần Hoàng Sơn  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103040736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2009. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 1 tháng 4 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, cung cấp hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học, cung cấp hoạt động nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của hoạt động bất động sản của Công ty thông thường là từ 12 đến 36 tháng, và của các hoạt động khác của Công ty thông thường là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP là công ty mẹ của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 2 công ty con như sau:

<i>ST T</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty TNHH Phát triển Công viên Trung tâm	100	100	P900, Tầng 9, Tòa nhà IPH, Số 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Phát triển dự án bất động sản
2	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Vineco	70	70	Số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ☛ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ☛ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ☛ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ☛ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ☛ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

### **2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

*Bất động sản để bán*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ⇒ Chi phí tiền sử dụng đất;
- ⇒ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ⇒ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý dự án, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí dự tính sẽ phát sinh chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho khác với giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với bất động sản để bán, nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 15 năm
Phần mềm máy tính	2 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình khác	5 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, tiền thuê đất trả trước nhiều năm và các chi phí phát sinh khác mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

*Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh*

Công ty mua công ty con sở hữu bất động sản. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với bất động sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế hoãn lại được ghi nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các khoản dự phòng**

*Dự phòng chung*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

*Dự phòng chi phí bảo hành cho căn hộ và biệt thự*

Công ty ước tính chi phí dự phòng bảo hành dựa trên các thông tin hiện có về việc sửa chữa của các căn hộ đã bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty và công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.16 Tiền ứng trước khi khách hàng mua nhà**

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua nhà ở mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong khoản mục "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với thời điểm bàn giao bất động sản.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

*Doanh thu từ hoạt động hợp tác đầu tư*

Thu nhập từ hoạt động hợp tác đầu tư được xác định là phần doanh thu được chia sẻ và xác định một cách chắc chắn theo hợp đồng hợp tác đầu tư.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ☐ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ☐ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ☐ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ☐ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	862.250.076	1.102.897.352
Tiền gửi ngân hàng	172.660.268.499	151.993.975.776
Tương đương tiền (*)	<u>17.300.000.000</u>	<u>17.300.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>190.822.518.575</u></b>	<b><u>170.396.873.128</u></b>

(\*) Tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,3%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu từ hoạt động nông nghiệp	122.230.472.101	-
Phải thu từ hoạt động cho thuê bất động sản	1.298.348.305	7.623.791.408
Phải thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	183.110.411.095	74.079.585.737
Phải thu từ hoạt động kinh doanh nhà hàng	12.863.703.247	9.077.782.213
Phải thu từ hoạt động tư vấn bán hàng và hoạt động khác	<u>33.747.306.868</u>	<u>81.952.714.759</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>353.250.241.616</u></b>	<b><u>172.733.874.117</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng</i>	262.163.398.635	99.873.795.118
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<u>91.086.842.981</u>	<u>72.860.078.999</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.809.918.859)	(4.809.918.859)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN** (tiếp theo)

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>756.408.358.582</u>	<u>282.383.769.037</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>756.408.358.582</u></b>	<b><u>282.383.769.037</u></b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó thu hồi	(7.063.761.765)	(6.208.708.798)

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Lãi cho vay và lãi tiền gửi phải thu	17.663.333.334	-	85.791.310.826	-
Phải thu Công ty mẹ từ tài khoản quản lý tiền tập trung	78.979.616.139	-	22.572.457.107	-
Phải thu khác	<u>114.580.781.566</u>	<u>-</u>	<u>31.431.125.119</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>211.223.731.039</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>139.794.893.052</u></b>	<b><u>-</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	76.473.575.617		30.937.231.084	
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 28)</i>	134.750.155.422		108.857.661.968	

**7. NỢ XẤU VÀ NỢ QUÁ HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán:				
- <i>Phải thu khách hàng doanh nghiệp</i>	4.809.918.859	-	4.809.918.859	-
- <i>Các khoản trả trước cho nhà thầu khác</i>	<u>7.063.761.765</u>	<u>-</u>	<u>6.208.708.798</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.873.680.624</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>11.018.627.657</u></b>	<b><u>-</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Bất động sản để bán đang xây dựng thuộc dự án Vinhomes Gardenia	4.335.619.477.100	-	4.110.640.411.124	-
Giá trị đã thực hiện dự án BT (i)	629.307.040.411	-	433.640.193.071	-
Bất động sản để bán đang xây dựng thuộc dự án Vinhomes Skylake Phạm Hùng	781.114.215.158	-	181.542.301.414	-
Chi phí SXKD dở dang về nông nghiệp	57.804.357.551	-	-	-
Hàng hóa	15.433.213.007	(11.731.648.268)	-	-
Thành phẩm nhập kho	2.617.244.893	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	64.850.086.005	-	5.509.045.621	-
Công cụ, dụng cụ	13.501.364.766	-	2.068.123.961	-
Khác	54.545.266.315	-	84.734.120.161	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.954.792.265.206</b>	<b>(11.731.648.268)</b>	<b>4.818.134.195.352</b>	<b>-</b>

- (i) Đây là giá trị đã thực hiện dự án xây dựng khu công viên và hồ điều hòa khu phía Bắc và mở rộng phía Nam Nghĩa trang Mai Dịch, thuộc địa phận quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và chi phí thực hiện dự án xây dựng công viên và hồ điều hòa tại lô đất ký hiệu CV1, khu đô thị mới Cầu Giấy, nằm giữa hai quận Cầu Giấy và Nam Từ Liêm theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT).

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	815.527.511.502	183.129.380.743	8.291.176.290	71.681.119.901	-	1.078.629.188.436
Mua trong kỳ	314.697.227	5.706.805.922	254.166.663	-	-	6.275.669.812
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	94.378.176.545	13.600.262.858	-	-	-	107.978.439.403
Tăng do mua công ty con mới trong kỳ	218.569.321.386	84.036.192.352	3.447.768.662	401.126.958	5.027.769.613	311.482.178.971
Thanh lý, nhượng bán	(2.432.406.843)	(1.171.219.745)	(300.000.000)	-	(500.000.000)	(4.403.626.588)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.126.357.299.817	285.301.422.130	11.693.111.615	72.082.246.859	4.527.769.613	1.499.961.850.034
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	63.306.714.124	65.100.064.774	4.922.775.854	16.608.979.880	-	149.938.534.632
Khấu hao trong kỳ	23.174.236.072	20.783.310.458	804.856.231	3.666.297.396	201.441.072	48.630.141.229
Tăng do mua công ty con mới trong kỳ	29.134.797.992	6.707.097.201	913.041.086	94.934.709	827.694.609	37.677.565.597
Thanh lý, nhượng bán	(218.034.024)	(196.409.020)	-	-	(16.666.668)	(431.109.712)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2017	115.397.714.164	92.394.063.413	6.640.673.171	20.370.211.985	1.012.469.013	235.815.131.746
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	752.220.797.378	118.029.315.969	3.368.400.436	55.072.140.021	-	928.690.653.804
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.010.959.585.653	192.907.358.717	5.052.438.444	51.712.034.874	3.515.300.600	1.264.146.718.288



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	450.722.500	2.615.800.000	3.066.522.500
Mua mới trong kỳ	103.260.000	-	103.260.000
Tăng do mua công ty con mới trong kỳ	502.859.767	-	502.859.767
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.056.842.267</u>	<u>2.615.800.000</u>	<u>3.672.642.267</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	163.224.521	1.043.526.412	1.206.750.933
Khấu hao trong kỳ	144.328.468	268.199.994	412.528.462
Tăng do mua công ty con mới trong kỳ	125.862.759	-	125.862.759
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>433.415.748</u>	<u>1.311.726.406</u>	<u>1.745.142.154</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>287.497.979</u>	<u>1.572.273.588</u>	<u>1.859.771.567</u>
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>623.426.519</u>	<u>1.304.073.594</u>	<u>1.927.500.113</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phục vụ nông nghiệp	1.516.271.334.454	-
Chi phí xây dựng cầu phần trường học, trung tâm thương mại và các hạng mục khác thuộc dự án Vinhomes Gardenia	372.424.125.276	311.989.473.080
Chi phí xây dựng cầu phần trường học, trung tâm thương mại và các hạng mục khác thuộc dự án Vinhomes Skylake	233.170.383.841	-
Dự án phòng khám đa khoa trên khu đất H1-YT	60.562.932.206	60.562.932.206
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	473.574.059	511.584.952
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>2.182.902.349.836</u>	<u>373.063.990.238</u>

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

#### 12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu, đồng thời là tỷ lệ biểu quyết (%)	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu, đồng thời là tỷ lệ biểu quyết (%)	
Công ty Cổ phần Vincom Retail	441.651.083	29,12%	7.579.553.725.670	-	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	166.555.000	23,4%	1.544.220.458.651	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>608.206.083</b>		<b>9.123.774.184.321</b>	-	-

#### 12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	10.000.000	-	10.000.000	-	10.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thể Thao và Giải Trí Mê Trì	26.959.050.000	-	26.959.050.000	-	26.959.050.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái	70.257.600.000	-	70.257.600.000	-	70.257.600.000
Công ty TNHH Vinpearlland	44.155.614.197	-	44.155.614.197	-	44.155.614.197
Công ty Cổ phần Năng Lượng Hải Linh	-	-	3.408.829.200	-	3.408.829.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Prime Land	54.528.000.000	-	54.528.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Đô thị Ngôi sao Phương Nam	100.000.000	-	100.000.000	-	100.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>196.010.264.197</b>	-	<b>196.010.264.197</b>	-	<b>144.891.093.397</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác** (tiếp theo)

Tên đơn vị	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ sở hữu, đồng thời là tỷ lệ biểu quyết (%)	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	1.000	1.000	0,002%
Công ty Cổ phần Phát triển Thể thao và Giải trí Mỹ Tri	834.000	834.000	1%	1%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái	2.448.000	2.448.000	0,82%	0,82%
Công ty TNHH Vinpearlland	(*)	(*)	1%	1%
Công ty Cổ phần năng Lượng Hải Linh	-	30.000	-	3%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Prime Land	2.300.000	-	8,52%	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Đô Thị Ngôi Sao Phương Nam	10.000	10.000	0,02%	0,02%

(\*) Đây là công ty trách nhiệm hữu hạn

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bán hàng liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao	397.103.996.139	265.371.459.933
Thuế TNDN tạm tính cho các khoản thanh toán trước tiền mua căn hộ của khách hàng	84.322.738.156	46.718.823.151
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.917.361.366	1.140.846.098
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.133.992.559	4.855.959.613
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>512.478.088.220</b>	<b>318.087.088.795</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước (*)	527.165.017.780	463.242.494.265
Công cụ, dụng cụ	18.491.879.535	25.123.329.741
Chi phí trả trước dài hạn khác	206.128.630.594	7.492.329.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>751.785.527.909</b>	<b>495.858.153.624</b>

(\*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất đã được thanh toán thông qua việc bù trừ với chi phí giải phóng mặt bằng cho phần diện tích đất thuê thuộc Dự án Khu đô thị Vinhomes Riverside được Nhà nước bồi hoàn và phần diện tích đất thuê của các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Đặt cọc cho mục đích nhận chuyển nhượng cổ phần (i)	1.280.270.000.000	-
Tài sản ngắn hạn khác (ii)	92.105.247.890	92.105.247.890
	<b>1.372.375.247.890</b>	<b>92.105.247.890</b>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (iii)	20.000.000.000	20.000.000.000
	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.392.375.247.890</b>	<b>112.105.247.890</b>

- (i) Chủ yếu bao gồm khoản đặt cọc cho mục đích nhận chuyển nhượng cổ phần trong công ty Vincom Retail từ một bên liên quan;
- (ii) Đây là giá trị hệ thống thiết bị điện sẽ được Công ty chuyển giao lại cho Công ty Điện lực Long Biên; và
- (iii) Đây là các khoản đặt cọc cho một đối tác doanh nghiệp để đảm bảo quyền được tham gia hợp tác thực hiện hai dự án bất động sản tiềm năng.

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

#### 15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả cho người bán	419.888.447.553	419.888.447.553	206.797.603.302	206.797.603.302	
- Đối tác doanh nghiệp	48.288.635.704	48.288.635.704	29.041.269.501	29.041.269.501	
- Đối tác doanh nghiệp	42.582.167.075	42.582.167.075	-	-	
- Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	8.651.268.819	8.651.268.819	21.222.347.879	21.222.347.879	
- Đối tác doanh nghiệp	37.596.051.953	37.596.051.953	10.177.024.701	10.177.024.701	
- Phải trả đối tượng khác	282.770.324.002	282.770.324.002	146.356.961.221	146.356.961.221	
Phải trả bên liên quan	195.912.533.122	195.912.533.122	148.998.130.913	148.998.130.913	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>615.800.980.675</b>	<b>615.800.980.675</b>	<b>355.795.734.215</b>	<b>355.795.734.215</b>	

#### 15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đây chủ yếu là số dư các khoản thanh toán theo tiến độ từ các khách hàng ký hợp đồng mua bất động sản tại dự án Vinhomes Gardenia và dự án Vinhomes Skylake.

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tặng do mua công ty con mới trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND	
					Số cuối năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	240.000.091	1.354.716.884	6.369.400.763	(7.231.656.985)	732.460.753	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.980.395.287	834.026.233	211.137.910.327	(128.165.546.823)	135.786.785.024	
Thuế giá trị gia tăng	46.235.732.249	64.398.272	381.213.773.222	(394.852.883.356)	32.661.020.387	
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	14.438.897.090	76.804.840	7.554.784.616	(21.130.791.170)	939.695.376	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>112.895.024.717</b>	<b>2.329.946.229</b>	<b>606.275.868.928</b>	<b>(551.380.878.334)</b>	<b>170.119.961.540</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ VÀ DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

**17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trích trước chi phí lãi vay	55.928.648.894	-
Tiền sử dụng đất trích trước – Dự án Vinhomes Gardenia	815.156.870.300	815.156.870.300
Tiền sử dụng đất trích trước – Dự án Vinhomes Skylake	518.413.947.000	-
Trích trước chi phí phát triển bất động sản đã chuyển nhượng	274.366.646.684	300.745.297.417
Trích trước chi phí xây dựng bất động sản	100.562.785.493	95.198.735.141
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới bán bất động sản	109.819.985.655	56.545.863.515
Trích trước cho chương trình Tri ân	12.649.452.998	13.579.971.856
Các khoản chi phí phải trả khác	88.673.507.018	8.381.032.385
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.975.571.844.042</u></b>	<b><u>1.289.607.770.614</u></b>

**17.2 Chi phí phải trả dài hạn**

Chi phí phải trả dài hạn là tiền thuê đất được trích trước cho các khu vực tiện ích công cộng của Dự án khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside.

**17.3 Dự phòng phải trả dài hạn**

Đây là khoản dự phòng bảo trì, bảo dưỡng Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside và dự án Vinhomes Gardenia theo cam kết của Công ty.

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần	2.051.214.430.000	-
Tiền thu từ các hợp đồng của dự án Vinhomes Gardenia	520.384.965.627	655.650.356.909
Tiền thu từ các hợp đồng của dự án Vinhomes Skylake Phạm Hùng	730.021.874.917	104.953.028.337
Cổ tức phải trả	124.901.782	124.901.782
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	109.064.459.117	17.618.194.652
	<b><u>3.410.810.631.443</u></b>	<b><u>778.346.481.680</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	6.951.689.503	7.149.319.503
	<b><u>6.951.689.503</u></b>	<b><u>7.149.319.503</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.417.762.320.946</u></b>	<b><u>785.495.801.183</u></b>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sau tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017		Trong kỳ		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn từ khách hàng	4.582.746.061	4.582.746.061	4.582.746.061	-		
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	86.559.732.941	86.559.732.941	153.282.400.377	(66.722.667.436)		
Vay ngắn hạn từ các bên liên quan (thuyết minh số 28)	3.608.000.000.000	3.608.000.000.000	4.143.000.000.000	(535.000.000.000)		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.699.142.479.002</b>	<b>3.699.142.479.002</b>	<b>4.300.865.146.438</b>	<b>(601.722.667.436)</b>		

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.199.958.000.000	1.843.750.000	-	1.079.773.462.578	-	2.281.575.212.578
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	373.816.346.945	-	373.816.346.945
- Mua thêm tỷ lệ lợi ích trong công ty con	-	-	-	1.067.869.504	-	1.067.869.504
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	<b>1.199.958.000.000</b>	<b>1.843.750.000</b>	<b>-</b>	<b>1.454.657.679.027</b>	<b>-</b>	<b>2.656.459.429.027</b>
<b>Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.199.958.000.000	1.843.750.000	-	1.883.275.121.967	-	3.085.076.871.967
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	649.632.718.837	(27.577.672.843)	622.055.045.994
- Mua công ty con mới trong kỳ	-	-	(359.137.114.391)	-	647.990.987.253	288.853.872.862
- Mua công ty liên kết mới trong kỳ	-	-	3.018.071.449.018	-	-	3.018.071.449.018
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	<b>1.199.958.000.000</b>	<b>1.843.750.000</b>	<b>2.658.934.334.627</b>	<b>2.532.907.840.804</b>	<b>620.413.314.410</b>	<b>7.014.057.239.841</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.995.800	119.995.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng và đang được lưu hành	119.995.800	119.995.800
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>119.995.800</b>	<b>119.995.800</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý II năm 2017</i>	<i>Quý II năm 2016</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.132.428.114.682</b>	<b>78.487.965.579</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản</i>	965.337.182.816	-
<i>Doanh thu dịch vụ nhà hàng</i>	26.713.892.760	33.142.100.115
<i>Doanh thu từ hoạt động nông nghiệp</i>	128.759.197.009	-
<i>Doanh thu từ dịch vụ tư vấn, hỗ trợ bán hàng và dịch vụ khác</i>	11.617.842.097	45.345.865.464
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.132.428.114.682</b>	<b>78.487.965.579</b>

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý II năm 2017</i>	<i>Quý II năm 2016</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.134.758.013	30.710.950.659
Doanh thu tài chính khác	1.130.457.366	(716.135.366)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.265.215.379</b>	<b>29.994.815.293</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý II năm 2017</i>	<i>Quý II năm 2016</i>
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	464.249.302.695	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ nhà hàng	35.506.462.345	10.619.862.806
Giá vốn hoạt động nông nghiệp	180.859.028.482	-
Giá vốn cung cấp các dịch vụ khác	2.159.031.249	29.560.329.925
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>682.773.824.771</b>	<b>40.180.192.731</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý II năm 2017</i>	<i>Quý II năm 2016</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.116.627.672	13.704.012.655
- Chi phí bán hàng khác	25.499.510.614	501.428.343
	<b>122.616.138.286</b>	<b>14.205.440.998</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.196.001.699	2.115.887.531
- Chi phí nhân công	14.116.906.539	4.277.759.199
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.163.379.344	2.341.764.033
	<b>41.476.287.582</b>	<b>8.735.410.763</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>164.092.425.868</b>	<b>22.940.851.761</b>

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý II năm 2017</i>	<i>Quý II năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>39.372.131.487</b>	<b>3.322.011.917</b>
Phạt vi phạm hợp đồng	1.077.694.506	2.565.774.162
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32.557.821.451	-
Thu nhập khác	5.736.615.530	756.237.755
<b>Chi phí khác</b>	<b>24.959.334.760</b>	<b>2.201.958.220</b>
Chi phí bồi thường theo hợp đồng hợp tác đầu tư	24.051.615.584	2.201.958.220
Chi phí khác	907.719.176	-
<b>LÃI KHÁC THUẦN</b>	<b>14.412.796.727</b>	<b>1.120.053.697</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con trong năm là 20% lợi nhuận chịu thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	175.221.707.948	3.867.278.722
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	(1.687.712.625)	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2.058.310.951)	(2.025.141.996)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>171.475.684.372</u></b>	<b><u>1.842.136.726</u></b>

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>793.530.730.366</b>	<b>375.825.089.171</b>
<b>Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán</b>		
Chênh lệch lãi thanh lý khoản đầu tư giữa báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng	-	(341.167.223.891)
Lãi từ công ty liên kết	(23.641.905.303)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	794.988.318	-
Chênh lệch giá vốn căn hộ bàn giao trong năm giữa báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng	10.631.035.132	-
Điều chỉnh chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với căn đã bàn giao	(5.352.543.787)	-
Chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh tương ứng với các căn hộ chưa bàn giao	(9.121.765.854)	-
Chi phí quảng cáo tạm thời chưa được khấu trừ	-	10.125.709.979
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	19.413.320.608	-
Chi phí không được trừ	1.273.336.109	569.513.513
Các điều chỉnh khác trên báo cáo hợp nhất	(8.053.132.668)	-
Lãi từ sáp nhập với công ty con	-	471.702.329
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước chuyển lỗ</b>	<b>779.474.062.921</b>	<b>45.824.791.101</b>
<i>Lãi từ chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>843.363.649.970</i>	<i>-</i>
<i>Lãi từ các hoạt động kinh doanh khác của các công ty con</i>	<i>33.357.554.532</i>	<i>45.824.791.101</i>
<i>Lỗ từ các hoạt động kinh doanh khác của công ty</i>	<i>(97.247.141.581)</i>	<i>-</i>
<i>Lỗ năm trước chuyển sang (Thuyết minh số 25.3)</i>	<i>(612.664.768)</i>	<i>(26.488.397.501)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>876.108.539.734</b>	<b>19.336.393.600</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thông thường và hoạt động khác</i>	<i>32.744.889.764</i>	<i>19.336.393.600</i>
<i>Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>843.363.649.970</i>	<i>-</i>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ</b>	<b>175.221.707.948</b>	<b>3.867.278.722</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	(1.687.712.625)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành sau điều chỉnh</b>	<b>173.533.995.323</b>	<b>3.867.278.722</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	51.980.395.287	11.344.748.832
Thuế TNDN phải trả phát sinh từ giao dịch mua công ty con mới	834.026.232	-
Thuế TNDN tạm tính cho khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng	51.200.721.082	5.511.368.715
Thuế TNDN tạm nộp trong năm trước cho khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng được bù trừ trong kỳ	(13.596.806.077)	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(128.165.546.823)	(12.561.677.124)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>135.786.785.024</b>	<b>8.161.719.145</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chi phí thanh lý theo hợp đồng hợp tác đầu tư	2.638.117.209	4.462.470.380	(1.824.353.171)	
Chi phí quảng cáo tạm thời chưa được trừ	3.882.664.122	-	3.882.664.122	2.025.141.996
	<b>6.520.781.331</b>	<b>4.462.470.380</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>			<b>2.058.310.951</b>	<b>2.025.141.996</b>

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế từ hoạt động khác với tổng giá trị là 489.442.973.494 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.044.513.400 VND). Chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2017</i>
2012	2017	(199.095.342.804)	199.095.342.804	-	-
2013	2018	(33.565.893.504)	15.521.380.104	-	(18.044.513.400)
2015	2020	(70.510.806.819)	2.674.282.218	-	(67.836.524.601)
2016	2021	(306.314.793.912)	-	-	(306.314.793.912)
2017	2022	(97.247.141.581)	-	-	(97.247.141.581)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>(706.733.978.620)</b>	<b>217.291.005.126</b>	<b>-</b>	<b>(489.442.973.494)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	649.632.718.837	373.816.346.945
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>649.632.718.837</b>	<b>373.816.346.945</b>

	<i>Đơn vị tính: cổ phiếu</i>	
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	119.995.800	119.995.800
Ảnh hưởng suy giảm do	-	-
<i>Quyền mua cổ phiếu</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi</i>	-	-
<i>Trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.</b>	<b>119.995.800</b>	<b>119.995.800</b>

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.414	3.115
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.414	3.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Các cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê**

Công ty, là bên đi thuê, đã ký kết một số hợp đồng thuê đất và số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này cho thời hạn 50 năm vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trên 1 - 5 năm	9.695.654.915	8.344.682.214
Trên 5 năm	249.030.952.116	250.381.924.818
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>258.726.607.032</b>	<b>258.726.607.032</b>

**Các cam kết khác**

- (i) Theo Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2011 ban hành bởi UBND thành phố Hà Nội, Công ty Sài Đồng có trách nhiệm hoàn trả lô đất số G4 - HH16 (có diện tích 43.542 m<sup>2</sup>) và lô đất G4-NT (có diện tích ước tính khoảng 5.293 m<sup>2</sup>) thuộc dự án khu đô thị Vinhomes Riverside cho UBND thành phố Hà Nội;
- (ii) Theo Quyết định số 6802/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 ban hành bởi UBND thành phố Hà Nội, Công ty Sài Đồng có trách nhiệm bàn giao lại các hạng mục: đất cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở, đất công cộng đơn vị ở (nhà văn hóa, trạm y tế) và đất trường học (trung học cơ sở) của dự án Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Gardenia cho cơ quan chức năng sau khi xây dựng xong các hạng mục này; và
- (iii) Theo Hợp đồng nguyên tắc số 07/TRANSERCO-SĐ và số 08/TRANSERCO-SĐ, Công ty Sài Đồng chịu trách nhiệm thu xếp 100% nguồn vốn để thực hiện các dự án trên hai khu đất tại phố Nguyễn Công Trứ và phố Láng Hạ.

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
			<i>Giá trị</i>
Tập đoàn Vingroup – Công ty mẹ ty CP		Thu hồi tiền cho vay	(1.850.000.000.000)
		Cho vay	180.000.000.000
		Lãi vay phải thu	29.279.055.555
		Lãi vay đã thu	(30.486.555.555)
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	7.482.225.830.000
		Thanh toán tiền mua cổ phần	5.432.715.000.000
		Đi vay	959.000.000.000
		Gốc vay đã trả	535.000.000.000
		Phải thu quản lý dòng tiền tập trung	3.371.245.933.075
		Thu tiền quản lý dòng tiền tập trung	(3.314.838.774.043)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Giá trị</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên phát	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	900.000.000.000	
		Thu hồi tiền cho vay	(410.000.000.000)	
		Lãi vay phải thu	11.881.666.667	
		Lãi vay đã thu	(87.216.388.890)	
		Đi vay	800.000.000.000	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Thu hồi tiền cho vay	(405.844.385.803)	
		Lãi vay phải thu	10.574.500.942	
		Lãi vay đã thu	(19.764.779.211)	
		cho vay	(450.000.000.000)	
Công ty TNHH Phát triển Công viên Trung Tâm	Công ty con	Thu hồi tiền cho vay	(166.000.000.000)	
		Đi vay	(600.000.000.000)	
Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ	Công ty cùng Tập đoàn	Đi vay	(2.350.000.000.000)	
		Lãi vay phải trả	(30.829.166.666)	
Công ty CP Phát triển Thể thao và Giải trí Mỹ Tri	Công ty cùng Tập đoàn	Thu hồi tiền cho vay	(450.000.000.000)	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	Công ty cùng Tập đoàn	Giá trị hàng hóa, dịch vụ phải trả	(597.045.745.526)	
		Giá trị hàng hóa, dịch vụ đã trả	499.129.059.193	
		Cho vay	(200.000.000.000)	
		Gốc vay đã thu	40.000.000.000	
		Giá trị hàng hóa phải thu	(310.374.221.323)	
		Giá trị hàng hóa đã thu	(286.748.455.657)	
Công ty TNHH Kinh doanh Bất Động Sản Vinhomes 2	Công ty cùng Tập đoàn	Phí dịch vụ tư vấn bán hàng phải trả	(68.872.737.370)	
		Phí dịch vụ tư vấn bán hàng đã trả	123.629.031.801	
		Chi phí chi hộ phải trả	(24.605.242.396)	
		Chi phí chi hộ đã trả	(24.605.242.396)	
Công Ty Cổ Phần Vinpearlland	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	(50.000.000.000)	
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát triển Thời Đại	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	(900.000.000.000)	
Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 7	Công ty cùng Tập đoàn	Phải trả chi phí xây dựng	45.352.697.739	
		Đã trả chi phí xây dựng	(84.502.731.606)	
Công ty TNHH Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Vincom	Công ty cùng Tập đoàn	Giá trị hàng hóa phải thu	39.426.293.481	



## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	39.828.467.283	-
Công ty TNHH Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Vincom	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	39.392.417.481	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Vineco	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	-	64.569.387.969
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Công ty mẹ	Bán hàng	599.770.000	4.904.640.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	1.749.697.048	1.749.697.048
Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 2	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	4.034.221.289	153.801.902
Các công ty khác cùng Tập đoàn	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	5.482.269.880	1.482.552.080
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>91.086.842.981</b>	<b>72.860.078.999</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo	Đơn vị tính: VND	
				Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Công ty cùng Tập đoàn	7%	Không có	-	310.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	7%	Không có	-	405.844.385.803
Công ty Cổ phần Năng lượng Hải Linh	Công ty cùng Tập đoàn	7%	Không có	-	4.200.738.202
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Công ty mẹ	7%	Không có	-	1.670.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Vinpearlland	Công ty cùng Tập đoàn	7%	Không có	50.000.000.000	-
Công ty CP đầu tư xây dựng Tân Liên Phát	Công ty cùng Tập đoàn	7%	Không có	800.000.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VINCOMMERCE	Công ty cùng Tập đoàn	7%	Không có	160.000.000.000	-
Công ty CP Phát triển đô thị Nam Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	7%	Không có	450.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát triển Thời Đại	Công ty cùng Tập đoàn	7%	Không có	900.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.360.000.000.000</b>	<b>2.390.045.124.005</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b> (Thuyết minh số 6)					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Công ty cùng Tập đoàn Công ty mẹ	Lãi vay phải thu	5.755.555.556	75.334.722.223	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu đồng tiền tập trung	78.979.616.139	22.572.457.107	
Công ty Cổ phần Phát triển Thể thao và Giải trí Mẹ Trí	Công ty cùng Tập đoàn	Lãi vay phải thu	-	1.207.500.000	
Các công ty khác cùng Tập đoàn	Công ty cùng Tập đoàn Công ty cùng Tập đoàn Công ty cùng Tập đoàn	Các khoản chi hộ	36.801.206.870	-	
		Lãi vay phải thu	4.112.500.000	9.190.278.269	
		Phải thu ngắn hạn khác	788.759.583	552.704.369	
		Phải thu ngắn hạn khác	8.312.517.274	-	
			<b>134.750.155.422</b>	<b>108.857.661.968</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>					
Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b> (thuyết minh số 20)					
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Công ty mẹ	7%	828.000.000.000	-	
Công ty TNHH kinh doanh Bất Động sản Vinhomes 2	Cùng tập đoàn	7%	-	-	
Công ty CP Đầu tư Du lịch Cần Giờ	Cùng tập đoàn	7%	100.000.000.000	-	
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom	Cùng tập đoàn	7%	2.350.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Vinpearl	Cùng tập đoàn	8%	30.000.000.000	-	
			300.000.000.000	-	
			<b>3.608.000.000.000</b>	<b>-</b>	

## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 16.1)				
Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 2	Công ty cùng Tập đoàn	Phải trả chi phí tư vấn môi giới	4.034.221.289	58.790.515.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Vincommerce	Công ty cùng Tập đoàn	Phải trả chi phí xây dựng	137.208.164.788	33.830.783.761
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Công ty mẹ	Phí quản lý phải trả	27.813.191.881	24.077.607.330
Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 6	Công ty cùng Tập đoàn	Phải trả chi phí xây dựng	-	14.366.643.775
Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1	Công ty cùng Tập đoàn	Phải trả chi phí xây dựng	-	10.646.082.613
Công ty TNHH Một Thành Viên Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải trả chi phí Voucher Vinschool	10.200.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 3	Công ty cùng Tập đoàn	Phải trả chi phí xây dựng	-	7.286.497.714
Các công ty khác	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí phải trả khác	16.656.955.164	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>195.912.533.122</b>	<b>148.998.130.913</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty.


---

Đoàn Thị Hà  
Người lập

Nguyễn Hữu Thanh  
Kế toán trưởng

Trần Hoài An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 7 năm 2017